TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110**/2026/DS-ST
Ngày: 24-3-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thuý Quyên**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Chánh Hiệp

2. Ông Trần Quang Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Gia Hân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ.

Ngà 24 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số thụ lý số 363/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2026/QĐXXST-DS ngày 26/01/2026, giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q**; trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S A, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số A - 02, Khu A, Trung tâm Thương mại P, Khu V, phường H, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn C (có mặt).

Bị đơn:

1. Ông **Phạm Minh H**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

2. Bà **Trần Thị K**, sinh 1995 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ thường trú: Số C, đường T, phường B, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Ngày 24/3/2021 ông Phạm Minh H và

bà Trần Thị Kiều K1 với Ngân hàng TMCP Q (*sau đây gọi là Ngân hàng*) Hợp đồng tín dụng số 3895424.21 để vay 450.000.000 đồng; mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô biển kiểm soát 65A - 287.26; nhãn hiệu: TOYOTA, số loại

VIOS G; Giấy đăng ký xe ô tô số 65 002005 do Phòng C1 Công an thành phố C cấp ngày 23/3/2021; thời hạn vay: 84 tháng; lãi suất 8,9%/năm trong 12 tháng đầu; hết thời hạn ưu đãi lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần theo biên độ 4,1%/năm. Việc trả lãi vào ngày 01 hàng tháng, mỗi kỳ trả 5.360.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày 26/3/2021, Ngân hàng giải ngân cho ông H, bà K 450.000.000 đồng theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3895424.21. Để đảm bảo cho khoản vay ông H, bà K thế chấp xe ô tô biển kiểm soát 65A - 287.26 nêu trên. Quá trình vay ông H, bà K chỉ thanh toán cho Ngân hàng 246.660.000 đồng. Ngày 01/3/2025 khoản vay chuyển sang quá hạn. Do đó, ngày 01/10/2025 Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Phạm Minh H, bà Trần Thị K thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số nợ hợp đồng tín dụng số 3895424.21 ngày 24/3/2021 tạm tính đến ngày 16/9/2025 là 223.426.980 đồng.

- Buộc ông Phạm Minh H, bà Trần Thị K thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q lãi phát sinh từ ngày 17/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Công nhận hiệu lực hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9905215.21 ngày 24/3/2021. Trường hợp ông Phạm Minh H, bà Trần Thị Kiều K2 thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với xe ô tô biển kiểm soát 65A - 287.26; nhãn hiệu: TOYOTA, số loại VIOS G; Giấy đăng ký xe ô tô số 65 002005 do Phòng C1 Công an thành phố C cấp ngày 23/3/2021.

Bị đơn ông Phạm Minh H, bà Trần Thị K vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên Tòa án không ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/3/2026 là 251.972.981 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 203.340.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 48.632.981 đồng. Đồng thời, Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký nên quan hệ pháp luật của vụ án là "*tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Bị đơn có địa chỉ tại phường B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông Phạm Minh H và bà Trần Thị K nhưng không được nên tiến hành niêm yết theo quy định. Tại phiên tòa, các bị đơn vẫn không đến nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ:

[2.1] Theo Hợp đồng tín dụng số 3895424.21 ngày 24/3/2021, ông Phạm Minh H và bà Trần Thị K đã vay của Ngân hàng TMCP Q 450.000.000 đồng. Ngày 26/3/2021 Ngân hàng đã giải ngân cho ông H, bà K đủ số tiền trên. Theo hợp đồng các bên thỏa thuận, thời hạn vay: 84 tháng; lãi suất 8,9%/năm trong 12 tháng đầu; hết thời hạn ưu đãi lãi suất điều chỉnh 3 tháng một lần theo biên độ 4,1%/năm. Việc trả lãi vào ngày 01 hàng tháng, mỗi kỳ trả 5.360.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Quá trình vay, ông H, bà K chỉ thanh toán cho Ngân hàng 246.660.000 đồng thì ngưng không thanh toán nữa nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01/3/2025. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông H, bà K được giao kết trên cơ sở tự nguyện, các điều khoản thỏa thuận của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật nên phát sinh hiệu lực. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà K thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/3/2026 là 251.972.981 đồng, trong đó: Nợ gốc: 203.440.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 48.532.981 đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn phải chịu tiền lãi, phí theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2.2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay trên ông H, bà H đã thế chấp cho Ngân hàng xe ô tô biển kiểm soát 65A - 287.26; nhãn hiệu: TOYOTA, số loại VIOS G; số khung: RL4B23F36M5110342; số máy: 2NRX671486 Giấy đăng ký xe ô tô số 65 002005 do Phòng C1 Công an thành phố C cấp ngày 23/3/2021 đứng tên Phạm Minh H. Ngân hàng đã đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định nên có hiệu lực. Do đó, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với xe ô tô biển kiểm soát 65A - 287.26 nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Án phí*: Bị đơn phải chịu án phí 12.598.649 đồng. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Phạm Minh H, bà Trần Thị K thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q theo Hợp đồng tín dụng số 3895424.21 ngày 24/3/2021, số tiền tạm tính đến ngày 24/3/2026 là 251.972.981 đồng, trong đó: Nợ gốc: 203.440.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 48.532.981 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn phải chịu tiền lãi, phí theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông H, bà K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm đối với xe ô tô biển kiểm soát 65A - 287.26; nhãn hiệu: TOYOTA, số loại VIOS G; số khung: RL4B23F36M5110342; số máy: 2NRX671486 Giấy đăng ký xe ô tô số 65 002005 do Phòng C1 Công an thành phố C cấp ngày 23/3/2021 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9905215.21 ngày 24/3/2021.

2. Án phí: Bị đơn phải chịu 12.598.649 đồng nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Cần Thơ. Nguyên đơn được nhận 5.585.675 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 008378 ngày 03/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cần Thơ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND KV2 - Cần Thơ;
- Phòng THADS KV2 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thúy Quyên